

Bản án số: 36/2023/DS-ST

Ngày: 22/3/2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **TRẦN VĂN NHU**

2. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**

- Thư ký phiên tòa: Ông **HỨA QUỐC THÁI** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **NGUYỄN VÕ LIÊN ANH** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 555/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp 0, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thanh D**, sinh năm 1996, địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang là người đại diện theo ủy quyền của bà H (văn bản ủy quyền được Văn phòng công chứng M chứng thực ngày 04/10/2022) (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Đoàn Văn M**, sinh năm 1940 (Có đơn xin vắng mặt)

Anh **Đoàn Văn L**, sinh năm 1972 (Có mặt)

Chị **Lê Thị Hồng T**, sinh năm 1979 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: tổ 0, ấp 0, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 04/10/2022 và lời khai tại Toà, đại diện ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh D trình bày:

Bà H với vợ chồng anh L, chị T có hợp tác mua bán trái cây. Trong quá trình làm ăn, anh L, chị T có vay của bà H các khoản tiền như sau:

Ngày 11/4/2021 (nhằm ngày 30/02/2021 âm lịch) vay số tiền 750.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, mục đích là thu mua trái cây tại vườn bán lại vừa lấy lãi, hứa khi nào bà H cần sẽ trả.

Ngày 03/12/2021 (nhằm ngày 30/10/2021 âm lịch) vay số tiền 150.000.000 đồng để thu mua trái cây, có Đoàn Phúc H (con của anh L, chị T) làm chứng, hứa khi nào bà H cần sẽ trả.

Ngày 16/12/2021 (nhằm ngày 13/11/2021 âm lịch) vay số tiền 270.000.000 đồng, hứa miệng là khi mua trái cây về sẽ trả số tiền 750.000.000 đồng đã vay ngày 11/4/2021 và 270.000.000 đồng đã vay đợt này. Nhưng sau đó, vợ chồng anh chị vẫn không thực hiện.

Ngày 19/12/2021 (nhằm ngày 16/12/2021 âm lịch), ông M là cha ruột của anh L đứng ra ký bảo lãnh chịu trách nhiệm trả số tiền 750.000.000 đồng và 270.000.000 đồng mà anh L, chị T đã vay. Sau đó, vào ngày 08/5/2022 (nhằm ngày 08/4/2022 âm lịch) anh L, chị T có trả được 120.000.000 đồng trên số tiền 270.000.000 đồng đã vay và ngưng luôn cho đến nay.

Nay bà H có yêu cầu ông M, anh L, chị T liên đới trả cho bà H số tiền 750.000.000 đồng vay ngày 11/4/2021, 150.000.000 đồng vay ngày 16/12/2021; Yêu cầu anh L, chị T liên đới trả số tiền 150.000.000 đồng vay ngày 03/12/2021. Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật và tính lãi suất phát sinh từ ngày 08/5/2022 đến ngày xét xử.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 09/02/2023 và lời khai tại Tòa, bị đơn chị Lê Thị Hồng T trình bày:

Số tiền 750.000.000 đồng là tiền hụi, đến ngày 11/4/2021 vợ chồng chị làm giấy biên nhận ghi nợ mượn, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng, không xác định thời hạn trả, khi nào bà H cần thì đòi. Sau khi viết biên nhận thì đóng lãi được vài tháng thì ngưng luôn cho đến nay, chị không nhớ rõ số tiền lãi đã đóng.

Số tiền 270.000.000 đồng cũng là tiền hụi nhưng sau đó vợ chồng chị làm biên nhận nợ mượn, không thỏa thuận lãi suất, góp tiền hàng tháng cho bà H nên đã trả được 120.000.000 đồng còn nợ lại 150.000.000 đồng.

Số tiền 150.000.000 đồng, vợ chồng chị đã viết biên nhận ngày 03/12/2021 là tiền lãi chứ không phải tiền mượn, do bà H kêu ghi thì ghi.

Trong quá trình thiếu nợ bà H, cha chồng là ông Đoàn Văn M có làm giấy bảo lãnh trả nợ cho vợ chồng chị trên số tiền 750.000.000 đồng và 270.000.000 đồng trong đó đã trả được 120.000.000 đồng của số tiền 270.000.000 đồng còn nợ lại 150.000.000 đồng.

Nay vợ chồng chị chỉ đồng ý trả số tiền còn thiếu là 750.000.000 đồng và số tiền 150.000.000 đồng còn lại của số tiền 270.000.000 đồng, tổng cộng là 900.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng đến hết nợ.

Còn số tiền 150.000.000 đồng mà vợ chồng chị viết biên nhận ngày 03/12/2021 là tiền lãi chứ không phải tiền nợ mượn nên xin bà H xem xét không yêu cầu trả và xin không yêu cầu tính lãi suất phát sinh do hoàn cảnh kinh tế hiện tại gặp khó khăn.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 09/02/2023 và lời khai tại Tòa, bị đơn anh Đoàn Văn L trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T như trên, không ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể:

Bà H yêu cầu ông M, anh L, chị T liên đới trả cho bà H số tiền 750.000.000 đồng vay ngày 11/4/2021, 150.000.000 đồng vay ngày 16/12/2021; Yêu cầu anh L,

chị T liên đới trả số tiền 150.000.000 đồng vay ngày 03/12/2021. Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật và tính lãi suất phát sinh kể từ tháng 6/2022 đến ngày xét xử theo mức 0,83%/tháng.

Chị T, anh L vẫn giữ ý kiến như trên.

Ông M có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông M, chị T, anh L liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 900.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm đối với số tiền 900.000.000 đồng từ ngày 08/6/2022 đến ngày xét xử; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh L, chị T liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 150.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm đối với số tiền 150.000.000 đồng từ ngày 08/6/2022 đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ông Đoàn Văn M có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông M.

[2] Tại Tòa, nguyên đơn đã tự nguyện thay đổi yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên tại phần nội dung vụ án. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tôn trọng, chấp nhận quyền tự định đoạt của đương sự.

Về nội dung:

[3] Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, tại phiên tòa, bản thân anh L, chị T đều khẳng định có viết và ký tên vào các biên nhận ngày 11/4/2021, 03/12/2021 và 16/12/2021 với nội dung mượn các số tiền lần lượt là 750.000.000 đồng, 150.000.000 đồng và 270.000.000 đồng. Đồng thời, anh L, chị T cũng xác định ông M có đứng ra lập giấy bảo lãnh chịu trách nhiệm trả số tiền 750.000.000 đồng và 270.000.000 đồng mà anh chị đã nợ bà H cũng như ông M chỉ có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt, hoàn toàn không thể hiện văn bản ý kiến phản bác gì đối với đơn khởi kiện và chứng cứ mà bà H đã cung cấp. Sau đó, anh chị đã trả được 120.000.000 đồng trên số tiền 270.000.000 đồng.

Tuy nhiên, anh chị lại cho rằng thực tế số tiền 750.000.000 đồng, 270.000.000 đồng là tiền hui và số tiền 150.000.000 đồng theo biên nhận ngày 03/12/2021 là tiền lãi, các khoản tiền này đều không phải tiền vay nhưng anh chị hoàn toàn không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì thuyết phục để chứng minh cũng như phản bác lại các biên nhận mà anh chị đã ký như đã nêu, trong khi bà H khẳng định lời trình bày của anh chị là không đúng.

Từ đó, xác định việc bị đơn có vay tiền và hiện còn thiếu nợ lại nguyên đơn là có thật theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự và Tòa án có đủ cơ sở chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của bà H buộc ông M, anh L, chị T liên đới trả cho bà H số tiền 750.000.000 đồng vay ngày 11/4/2021, 150.000.000 đồng vay ngày 16/12/2021; Buộc anh L, chị T liên đới trả số tiền 150.000.000 đồng vay ngày 03/12/2021 cùng tiền lãi phát sinh kể từ tháng 6/2022 đến ngày xét xử theo mức 0,83%/tháng trên số tiền tổng là 1.050.000.000 đồng theo quy định.

[4] Vấn đề lãi suất: Bà H có yêu cầu tính lãi suất phát sinh từ tháng 6/2022 trên số tiền vay còn thiếu tổng cộng là 1.050.000.000 đồng đến ngày xét xử (tương đương 09 tháng) với mức 0,83%/tháng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà H nhằm tạo điều kiện trả nợ cho bị đơn nên tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự, đồng thời mức lãi suất này cũng nằm trong giới hạn quy định pháp luật phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Trong đó:

* Ông M, anh L, chị T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà H số tiền vốn vay là 900.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh là 67.230.000 đồng, cụ thể:

$900.000.000 \text{ đồng} + (900.000.000 \text{đ} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 9 \text{ tháng}) = 967.230.000 \text{ đồng}.$

* Anh L, chị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà H số tiền vốn vay là 150.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh là 11.205.000 đồng, cụ thể:

$150.000.000 \text{ đồng} + (150.000.000 \text{đ} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 9 \text{ tháng}) = 161.205.000 \text{ đồng}.$

[5] Về án phí: Bị đơn phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 92, 228, khoản 1 Điều 244, 288 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc H.

Buộc ông Đoàn Văn M, anh Đoàn Văn L, chị Lê Thị Hồng T phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Ngọc H số tiền vốn vay còn thiếu là 900.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh là 67.230.000 đồng. Tổng cộng 967.230.000 đồng.

Buộc anh Đoàn Văn L, chị Lê Thị Hồng T phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Ngọc H số tiền vốn vay còn thiếu là 150.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh là 11.205.000 đồng. Tổng cộng 161.205.000 đồng.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông M, anh L, chị T chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí: Ông M, anh L, chị T phải liên đới chịu 41.016.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh L, chị T phải liên đới chịu 8.060.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà H 11.625.000đ tạm ứng án phí theo các biên lai số 0010527, 0010528 cùng ngày 11/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Xuân Lam

